

Bản án số: 305/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2026
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Sơn.
2. Bà Hồ Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Huế tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Huế, thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 155/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích Ch, sinh năm 1995; số căn cước công dân: 046195014703; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường KT, thành phố Huế. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Xuân H, sinh năm 1988; số căn cước công dân: 046088005098; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường KT, thành phố Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 13/4/2026 các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Bích Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích Ch và anh Trần Xuân H có quá trình quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng rồi đi đến hôn nhân và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã HT, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường KT, thành phố

Huế). Sau khi kết hôn, đến khoảng tháng 11/2023 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Nay chị Ch nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Xuân H.

Về con chung: Chị Ch trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Xuân H, sinh ngày 03/7/2014; cháu Trần Ngọc Như Q, sinh ngày 07/12/2019. Chị Ch yêu cầu Tòa án giao 02 cháu Trần Minh H và cháu Trần Ngọc Như Q cho anh Trần Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị Ch không cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do giao con cho chồng nuôi là do có nhà ông bà nội bên cạnh nhà chồng, tiện cho việc chăm con, hiện nay chị đang đi làm ăn kiếm sống tại thành phố Hồ Chí Minh nên không có điều kiện để chăm sóc con. Hiện 02 con đang học ở phường KT, thành phố Huế nên để cho 02 con có điều kiện ăn học.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn – anh Trần Xuân H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H đều vắng mặt và không có lời khai hay văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy: Chị Nguyễn Thị Bích Ch và anh Trần Xuân H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Toàn, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường HT, thành phố Huế). Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm và hay xảy ra tình trạng gây gổ, cãi vã nhau. Vợ chồng chị Ch, anh H đã ly thân từ lâu, hiện không còn chung sống với nhau, chị Ch bỏ đi làm thuê ở xa còn anh H ở tại nhà chung của hai vợ chồng. Chị Ch và anh H có 02 con chung như chị Ch đã khai ở Tòa án. Hiện tại, cháu H và cháu Q đang ở cùng anh H.

Tại biên bản xác minh ngày 24/6/2026, Tòa án có lấy ý kiến nguyện vọng của cháu Trần Minh H, cháu H trình bày cháu có nguyện vọng được sống với bố cháu là anh Trần Xuân H khi bố mẹ ly hôn.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Huế phát biểu ý kiến:

- Việc việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt tại phiên hoà giải và phiên tòa không có lý do, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ch.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 và 88 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Ch, giao cả 02 cháu Trần Xuân H và Trần Ngọc Như Q cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Ch khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con với bị đơn là anh Trần Xuân H có địa chỉ tại: Tổ dân phố Hương Sơn, phường KT, thành phố Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 3 - Huế thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không thuộc trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích Ch và anh Trần Xuân H tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Toàn, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường KT, thành phố Huế) ngày 5/3/2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cho đến khoảng tháng 11/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, không có sự thấu hiểu, quan tâm đến nhau. Hiện nay vợ chồng cũng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mệnh ai người nấy sống, không còn tình cảm vợ chồng, nên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích Ch được ly hôn với anh Trần Xuân H như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị Ch và anh H có 02 con chung là Trần Xuân H, sinh ngày 03/7/2014; cháu Trần Ngọc Như Q, sinh ngày 07/12/2019. Nay ly hôn, chị Ch có nguyện vọng giao 02 cháu Trần Minh H và cháu Trần Ngọc

Như Q cho anh Trần Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy hiện nay, cháu H và cháu Qđang sống cùng anh H và ông bà nội, chị Ch thì đang đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, 02 cháu đang học tại trường KT, nguyện vọng của cháu H cũng muốn ở với anh H. Do đó, xét thấy để các cháu đảm bảo điều kiện ăn, học và phát triển về mọi mặt thì giao 02 con chung cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hiện tại. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Ch, giao 02 con chung cho anh H nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng: Chị Ch có ý kiến không cấp dưỡng do hiện tại công việc chưa ổn định. Anh H vắng mặt, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Sau này có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Ch, anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích Ch phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích Ch.
2. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích Ch được ly hôn anh Trần Xuân H.
3. Về con chung: Giao cháu Trần Xuân H, sinh ngày 03/7/2014; cháu Trần Ngọc Như Q, sinh ngày 07/12/2019 cho anh Trần Xuân H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
4. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.
5. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.
6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích Ch phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số:

0001237 ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế; chị Ch đã nộp đủ án phí.

7. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7, 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP Huế;
- VKSND khu vực 3 - Huế;
- THADS TP Huế;
- UBND phường KT, TP Huế
(ĐKKH số 039/2014 ngày
05/3/2014);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án HNGĐ.

Trần Dũng

